

KINH A-DI-ĐÀ

Ngẫu Ích Đại Sư Yêu Giải
Hán dịch: Cư Ma La Thập.
Việt dịch: Thích Tuệ Nhuận.

Nguồn

*<http://www.quangduc.com>
Chuyển sang ebook 15-6-2009*

*Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com
[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)*

Mục Lục

Tiểu Sử
Lời người dịch
PHẬT NÓI KINH A DI ĐÀ
Yếu giải
Lời cuối sách

--- o0o ---

Tiểu Sử

Sư cụ Tuệ Nhuận thế danh Văn Quang Thùy, sanh năm 1887 (17-3-Đinh Hợi) tại tỉnh Hải Dương. Chuyên Nho học suốt thời niên thiếu. Ngài chăm học đến nỗi nhà cháy, ai nấy lo cứu hỏa, riêng ngài vẫn ngồi yên chuyên chú học. Mãi sau lớn mới chuyển qua học chữ Pháp, thi đỗ làm Thông phán tại nha quan thuế Hà Nội. Năm 1928, cụ thân sinh Văn Đức Khiêm thất lộc, ngài suy tư về kiếp sống vô thường, bắt đầu tụng kinh, nghiên cứu đạo Phật. Bẩm tánh thông minh lại sẵn Hán học, ngài vào giáo lý thâm sâu rất dễ dàng.

Thời ấy người đời xô nhau theo nếp sống mới, quên lãng đạo Phật. Nhưng ở các chùa thì Bồ-đề vẫn rộ nở hoa. Tổ Vĩnh Nghiêm, Tổ Bằng, Tổ Sở, Tổ Còn v.v... pháp tràng phát phới khắp nơi. Nhưng giáo pháp vô thượng thậm thâm hoàn toàn được tuyên dương bằng chữ Hán ở các chùa trên các đồi quê, gần như không quan hệ gì đến xã hội quần chúng. Các quan chức như Tổng đốc Nguyễn Năng Quốc, Bùi Thiện Căn v.v... ý thức được sự lợi ích của Phật giáo đối với nền văn hóa Việt Nam, hô hào thành lập hội Phật giáo. Ngài nhiệt liệt tham gia. Từ đó một mặt giúp các Sư học đạo, một mặt giảng kinh ở các chùa Quán Sứ, Hòe Nhai và các chùa nhỏ ở quanh

vùng Hà Nội. Mở các lớp học Phật Pháp cho các cư sĩ tinh tấn. Các tỉnh Nam Định, Thái Bình, Hải Phòng, thường thỉnh ngài giảng pháp, ngài đều vui vẻ đáp ứng.

Mùa xuân Canh Thìn, một phái đoàn Tăng sĩ Trung Hoa sang thăm Việt Nam, trong đó có 2 ngài Đế Nhân và Thái Hư. Chùa Quán Sứ hồi ấy chưa đủ phòng xá tiếp đón khách Tăng, các ngài phải nghỉ ở khách sạn của người Hoa. Cụ Văn Quang Thùy mon men đến xin học thiền. Ngài Thái Hư đáp: “Tôi thấy Việt Nam toàn tu Tịnh-độ, cư sĩ nên vâng theo”. Rồi ngay tại khách sạn, ngài Thái Hư ngồi trên bàn, cụ quỳ dưới đất. Ngài trao Bồ-tát Giới và cho một mảnh thiếp để kỷ niệm:

**“Nhập Như Lai Tạng.
Văn tự quang minh thù vũ trụ.
Phật môn tuệ trạch nhuận sinh linh.
Thời tại Canh Thìn niên xuân,
Tam nguyệt nhị thập lục nhật.
Thái Hư lữ Hà Nội”.**

Năm 1935 cụ xin nghỉ việc, dành trọn thời giờ để phục vụ Tam-bảo. Cụ đã dịch rất nhiều kinh tiếng Việt. Kinh Di Đà, Dược Sư, Hoa Nghiêm phẩm Phổ Hiền v.v... cho tới nay vẫn đang lưu hành trong toàn quốc. Giảng kinh Lăng Nghiêm ở Quán Sứ năm 1945, được học chúng nhiệt liệt hoan nghênh. Chùa Hòe Nhai thành lập hội Phật tử, mở lớp học Lăng Nghiêm. Cụ vừa dạy vừa phiên âm sang tiếng Việt Nam. Năm 1949, lần đầu tiên Việt Nam in chữ quốc ngữ bộ kinh Lăng Nghiêm và Từ Bi Đạo Tràng Sám Pháp (*Lương Hoàng*). Thấy tình hình quần chúng các thành phố toàn quốc đã rạn vỡ, cụ xuất bản tờ Bồ Đề Nguyệt San, thân làm giám đốc. Những bài của cụ đăng trong báo được coi như những hạt châu ngọc để lại cho hậu lai. Trên tờ báo này, những ngọn bút danh tiếng khắp Bắc, Trung, Nam đã cùng nhau thi đua trình bày tư tưởng cao thâm.

Năm 1954 cụ xuất gia theo Hòa-thượng Thích Thiện Hòa và từ đó lấy việc chuyên tu làm chính vụ. Cụ thị tịch năm 1964 trong tiếng niệm Phật và chí nguyện vãng sanh.

***Pháp tử Cát Tường Lan
Dâng hiến tâm hương đèn ơn pháp nữ***

Lời người dịch

Tu Thiền chắc chắn thành Phật. Tu Tịnh mau chóng thành Phật. Tu môn nào cũng phải thấy rõ Phật tánh rồi mới thành Phật. Mỗi niệm Phật danh là một nhớ đến Phật tánh. Thấy rõ Phật tánh là thành Phật quả. Thành Phật là khôi phục lại tự do hạnh phúc.

Tìm hiểu tánh Phật của mình của người là sự nghiệp Tịnh-độ hóa thế gian năm âm ngũ trước của bảy thú. Sự nghiệp này Phật tử phải làm ngay.

Phật dạy: Tất cả chúng sanh ai cũng có tánh Phật. Bồ Tát Giới nói: Người là Phật sẽ thành, ta là Phật đã thành, thường khởi tin như vậy, giới phàm đã đầy đủ.

Áp dụng lời dạy trên vào đời sống, ta có 2 thực hiện: 1) Vâng giới luật, không dám áp bức một loài nào dù là con sâu cái kiến. 2) Khai trí tuệ bình đẳng, tôn trọng muôn loài hàm thức, tận tình cứu giúp lẫn nhau.

Có tâm Phật, mắt Phật như vậy là siêu phàm thoát tục.

Kinh Niết Bàn, Sư Tử Hống Bồ-tát hỏi: Tất cả chúng sanh cùng có chung một Phật tánh hay mỗi người riêng biệt một Phật tánh?

Phật đáp: Phật tánh chẳng phải một, chẳng phải hai, bình đẳng như hư không.

Nói bình đẳng tất nhiên phải có nhiều cái so sánh với nhau, thấy đều như hư không. Nghĩa là không hình không tướng nhưng bát ngát mông mênh không bờ bến.

Hôm nay ta mới đến phương Đông nhưng Phật tánh của ta đã ở đây từ vô thủy rồi. Mai ta rời Đông đi Tây, Phật tánh của ta như hư không vẫn mãi ở Đông mà cũng đã ở Tây từ vô thủy rồi. Thân nghiệp báo theo duyên đời dờn vòng quanh luân chuyển khắp bảy thú. Phật tánh như hư không vẫn thường trụ ở khắp mười phương. Vậy đương khi ta ngồi ở Việt Nam, niệm Phật cầu sanh Tây phương, thì Phật tánh của ta như hư không vẫn ở Việt Nam và cũng đang ở An Lạc thế giới cách đây mười vạn cõi Phật. Mỗi tiếng niệm Phật là Phật tánh của ta ở khắp mười phương đều rung cảm. Duyên Sa Bà hết, duyên Tịnh-độ thành, nghiệp trần lụy hết, nghiệp Tịnh-độ thành, thì thân đất nước gió lửa ở Sa Bà tan rã mà thân hào quang rực rỡ sẽ hóa sanh.

Tùy ý ta muốn hiện sanh phương nào, Phật tánh của ta sẽ hiện thân ở phương ấy một khi nhân duyên đầy đủ.

Bản Như Lai Tạng diệu chân như tánh của người, của ta, của chúng sanh, của Phật, bao giờ cũng thường hằng linh thông cảm ứng với nhau vô lượng, vô biên, vô cùng, vô tận.

Nam mô Pháp Giới Tạng Thân A Di Đà Phật.

Nam mô Vô Biên Thân Bồ-tát ma-ha-tát.

Nam mô Hư Không Tạng Bồ-tát ma-ha-tát.

Không Thiền tông, không Tịnh-độ

Địa ngục đêm ngày đau khổ

Muôn đời ngàn kiếp còn lâu

Nhờ cậy ai, ai tế độ?

Có Thiền tông, có Tịnh-độ

Như thêm sừng cho mãnh hổ

Hiện tại làm thầy trời người

Đòi vị lai làm Phật Tổ.

Hà Nội, ngày 7-10-Tân Mão

(5-11-1951)

Tuệ Nhuận cẩn tự

---o0o---

KHÓA LỄ TỊNH-ĐỘ

TÁN PHẬT

Đấng pháp vương Vô-thượng,

Ba cõi chẳng ai bằng.

Đạo sư khắp trời người,

Cha lành chung bốn loài.

Quy y tròn một niệm,

Dứt sạch nghiệp tăng kỳ.

Xung dương cùng tán thán,

Ức kiếp không cùng tận.

Phật, chúng sanh tánh thường không tịch.

Đạo cảm thông không thể nghĩ bàn,

Lưới để châu ví đạo tràng,
Mùi hương Phật bảo hào quang sáng ngời.
Trước Phật đài thân con ảnh hiện,
Cúi đầu xin đánh lễ quy y.

CHÍ TÂM ĐÁNH LỄ:

— Nam mô tận hư không biến pháp giới, quá hiện vị lai. Mười phương chư Phật, Tôn Pháp, Hiền Thánh Tăng, thường trụ Tam-bảo. *(1 lễ)*

— Nam mô Sa Bà giáo chủ Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, Long Hoa giáo chủ Di Lạc tôn Phật, đại trí Văn Thù Sư Lợi Bồ-tát, đại hạnh Phổ Hiền Bồ-tát, Hộ Pháp chư tôn Bồ-tát, Đạo tràng hội thượng Phật Bồ-tát, nhất thiết chư Hiền Thánh Tăng. *(1 lễ)*

— Nam mô Tây phương An Lạc thế giới đại từ đại bi tiếp dẫn đạo sư A Di Đà Phật, đại bi Quán Thế Âm Bồ-tát, Đại Thế Chí Bồ-tát, đại nguyện Địa Tạng Vương Bồ-tát, Thanh Tịnh đại hải chúng Bồ-tát. *(1 lễ)*

SÁM HỐI

Con nay khấp vì bốn ân ba cõi pháp giới chúng sanh tất nguyện đoạn trừ ba chương quy mạng sám hối *(1 lễ)*.

Chí tâm sám hối

Con xưa đã tạo bao nghiệp ác

Đều vì ba độc tham, sân, si

Từ thân miệng ý phát sanh ra

Hết thầy con nay cầu sám hối.

Bao nhiêu nghiệp chương sâu nường ấy

Nguyện đều tiêu diệt không còn dư.

Niệm niệm trí soi khắp pháp giới,

Rộng độ chúng sanh thề không thoái.

Sám hối phát nguyện rồi, chí tâm đánh lễ A Di Đà Phật biến pháp giới thường trụ Tam-bảo (1 lễ).

TÁN HƯƠNG

Lư trầm vừa đốt, pháp giới thom lừng.

Xa đưa hải hội Phật đều mừng.

Đâu đâu cũng thấy cát tường vân.

Thành ý ân cần, chư Phật hiện toàn thân.

Nam mô Hương Vân Cái Bồ-tát ma-ha-tát (3 lần).

CHÚ SẠCH KHẨU NGHIỆP

Tu li, tu li, ma ha tu li, tu tu li, sa bà ha (3 lần).

CHÚ SẠCH THÂN NGHIỆP

Tu đa li, tu đa li, tu ma li, sa bà ha (3 lần).

CHÚ SẠCH BA NGHIỆP

Ám sa phạ bà phạ, truyệt đà sa phạ, đạt ma sa phạ, bà phạ truyệt độ hám (3 lần).

CHÚ AN THỔ ĐỊA

Nam mô tam mãn đà một đà nã, ám độ rô độ rô địa vĩ sa bà ha (3 lần).

CHÚ PHỔ CÚNG DƯỜNG

Ám nga nga nã tam bà phạ phạt nhật la hộc (3 lần).

KỆ KHAI KINH

Pháp Phật cao sâu rất nhiệm màu,

Ngàn muôn ức kiếp dễ hay đâu.

Con nay nghe thấy xin vâng giữ,

Chân nghĩa Như Lai hiểu thật sâu.

Nam mô Liên Trì hải hội Phật Bồ-tát ma-ha-tát (3 lần).

---o0o---

PHẬT NÓI KINH A DI ĐÀ

A/- TỰA

I. Thông tựa

Đúng thật như thế, chính tôi được nghe: Một thời bấy giờ, tại nước Xá Vệ, Phật ngự ở tinh xá Cấp Cô Độc, trong vườn Kỳ Đà, cùng Tỳ-kheo Tăng 1250 đại A-la-hán chúng đều quen biết: trưởng lão Xá Lợi Phất, Ma-ha Mục Kiền Liên, Ma-ha Ca Diếp, Ma-ha Ca Chiên Diên, Ma-ha Câu Hy La, Ly Bà Đa, Châu Lợi Bàn Đà Già, Nan Đà, A Nan Đà, La Hầu La, Kiều Phạm Ba Đề, Tân Đầu Lư Phả La Đa, Ca Lưu Đà Di, Ma-ha Kiếp Tân Na, Bạc Câu La, A Nâu Lô Đà...

Văn Thủ Sư Lợi pháp vương tử, A Dật Đa Bồ-tát, Càn Đà Ha Đề Bồ-tát, Thường Tinh Tấn Bồ-tát, cùng với vô lượng đại chúng Bồ-tát. Cả vua Đế Thích và các vua khác cùng với quyền thuộc đông không xiết kể, cùng đến dự hội.

II. Biệt tựa

Bấy giờ đức Phật bảo ngài trưởng lão Xá Lợi Phất rằng: Cách đây hơn 10 vạn ức cõi Phật, về phương Tây có thế giới An Lạc, Phật A Di Đà hiện đang thuyết pháp.

---o0o---

B/- CHÁNH TÔNG

I. Khải tín

1- Y báo

Này Xá Lợi Phát! Cõi ấy vì sao gọi là An Lạc? Chúng sanh cõi ấy không có những khổ, chỉ hưởng toàn vui, bởi thế cho nên gọi là An Lạc.

Cõi nước An Lạc bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây, đều là bốn báu, bao vây giáp vòng (nơi nào cũng có).

Cõi nước An Lạc, có ao thất bảo, trong ao thường đầy nước tám công đức, đáy ao rải thuần thứ cát vàng côm. Bốn bên bờ ao, bọc lên lối đi, làm bằng vàng bạc, lưu ly, pha lê. Trên ao, lầu gác cũng toàn bằng vàng bạc, lưu ly, pha lê, xà cừ, xích châu, mã não. Hoa sen trong ao to bằng bánh xe, màu xanh sáng xanh, màu vàng sáng vàng, màu đỏ sáng đỏ, màu trắng sáng trắng, nhiệm màu thơm sạch.

Xá Lợi Phát này! Cõi nước An Lạc thành tựu như vậy công đức trang nghiêm.

Cõi nước An Lạc lưng trời hòa nhạc, mặt đất thuần vàng. Ngày đêm sáu buổi, hoa mạn đà la rắc xuống như mưa. Chúng sanh sáng sớm lấy giỏ đựng hoa thơm đẹp kỳ diệu, đi cúng phượng xa, mười vạn ức Phật. Thoáng tới giờ ăn đã về cõi mình, ăn rồi kinh hành. Xá Lợi Phát này, cõi nước An Lạc thành tựu như vậy công đức trang nghiêm.

Cõi nước An Lạc, nhiều các loài chim, màu đẹp quý hiếm, bạch hạc, không tước, xá lợi, cộng mệnh, ca lăng tần già, ngày đêm sáu buổi, tiếng hót hòa nhã, diễn ra các pháp: ngũ căn, ngũ lực, thất Bồ-đề phần, bát chánh đạo phần và nhiều pháp khác. Chúng sanh nghe rồi đều vui niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

Xá Lợi Phát này, ông chớ bảo rằng những loài chim ấy thật vì tội báo phải làm kiếp chim. Là vì lẽ sao? Đã là cõi Phật, cái tên ác đạo còn không hề có, huống chi lại có ác đạo thật ư? Những chim ấy là Phật A Di Đà muốn cho tiếng pháp chan hòa khắp nơi mà biến hóa ra. Cõi nước An Lạc, gió hiu hiu thổi, những hàng cây báu, những lưới ngọc giăng rung động phát ra vi diệu âm thanh, như là trăm ngàn nhạc khí hòa điệu, ai nghe tự nhiên nức lòng niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Xá Lợi Phát này! Cõi nước An Lạc thành tựu như vậy công đức trang nghiêm.

---o0o---

2- Chánh báo

Ý ông thế nào, vì sao Phật hiệu là A Di Đà? Xá Lợi Phát này, đức Phật quang minh, soi khắp mười phương, không đâu chướng ngại, vì thế nên hiệu là A Di Đà.

Ngài cùng nhân dân, sống lâu vô cùng, đến bao nhiêu kiếp không thể kể xiết, vì thế nên hiệu là A Di Đà. Phật A Di Đà thành Phật đến nay mới có 10 kiếp.

Đệ tử Thanh-văn toàn A-la-hán, nhiều lắm không thể đếm mà biết được, các vị Bồ-tát cũng đông như thế. Xá Lợi Phất này, cõi nước An Lạc thành tựu như vậy công đức trang nghiêm.

II. Khuyên phát nguyện

Cõi nước An Lạc, chúng sanh sang đầy, không còn thoái chuyển, trong đó có nhiều nhất sanh bổ xứ. Số sanh sang đầy đông lắm không thể đếm mà biết được, chỉ đành nói là rất nhiều vô số vô lượng vô biên.

Chúng sanh nghe rồi thì nên phát nguyện, nguyện sanh sang đầy. Là vì làm sao? Vì đồng các bậc thượng thiện như thế cùng hợp một nơi.

III. Lập hạnh

Này Xá Lợi Phất! Không ít thiện căn, phước đức nhân duyên, mà được sanh sang bên nước kia đâu. Chỉ có những người một lòng chuyên niệm Phật A Di Đà, 1 ngày, 2 ngày, 3 ngày, 4 ngày, 5 ngày, 6 ngày, 7 ngày. Niệm kỳ cho được nhất tâm không loạn. Người này lâm chung, Phật A Di Đà cùng với thánh chúng hiện ra trước mặt. Tâm không điên đảo, người ấy liền sanh sang cõi An Lạc Phật A Di Đà.

Kết khuyên

Này Xá Lợi Phất! Ta thấy lợi thế cho nên nói thế. Ai được nghe rồi thì nên phát nguyện sanh sang nước kia.

---o0o---

C/- LƯU THÔNG

I. Phổ khuyên

1- Khuyển tín

Này Xá Lợi Phất! Ta nay khen ngợi Phật A Di Đà công đức lợi ích chẳng xiết nghĩ bàn thì phương Đông có Phật A Súc Bệ, Phật Tu Di Tướng, Phật Đại Tu Di, Phật Tu Di Quang và Phật Diệu Âm, hằng hà sa số Phật ở cõi mình, tướng lưỡi rộng dài, che khắp ba ngàn đại thiên thế giới, nói lời thành thật rằng: chúng sanh nguoi, nên tin kinh này là một bản kinh tán thán công đức chẳng xiết nghĩ bàn và được hết thảy chư Phật hộ niệm.

Này Xá Lợi Phất! Phương Nam: Phật Nhật Nguyệt Đăng, Phật Danh Văn Quang, Phật Đại Diệm Kiên, Phật Tu Di Đăng, Phật Vô Lượng Tinh Tấn, hằng hà sa số Phật ở cõi mình, tướng lưỡi rộng dài, che khắp ba ngàn đại thiên thế giới, nói lời thành thật rằng: chúng sanh nguoi, nên tin kinh này là

một bản kinh tán thán công đức chẳng xiết nghĩ bàn và được hết thầy chú Phật hộ niệm.

Này Xá Lợi Phất! Phương Tây: Phật Vô Lượng Thọ, Phật Vô Lượng Tướng, Phật Vô Lượng Trang, Phật Đại Quang, Phật Đại Minh, Phật Bảo Tướng, Phật Tịnh Quang, hằng hà sa số Phật ở cõi mình, tướng lưỡi rộng dài, che khắp ba ngàn đại thiên thế giới, nói lời thành thật rằng: chúng sanh người, nên tin kinh này là một bản kinh tán thán công đức chẳng xiết nghĩ bàn và được hết thầy chú Phật hộ niệm.

Này Xá Lợi Phất! Phương Bắc: Phật Diễm Kiên, Phật Tội Thắng Âm, Phật Nan Trở, Phật Nhật Sanh, Phật Võng Minh, hằng hà sa số Phật ở cõi mình, tướng lưỡi rộng dài, che khắp ba ngàn đại thiên thế giới, nói lời thành thật rằng: chúng sanh người, nên tin kinh này là một bản kinh tán thán công đức chẳng xiết nghĩ bàn và được hết thầy chú Phật hộ niệm.

Này Xá Lợi Phất! Phương Hạ: Phật Sư Tử, Phật Danh Văn, Phật Danh Quang, Phật Đạt Ma, Phật Pháp Tràng, Phật Trì Pháp, hằng hà sa số Phật ở cõi mình, tướng lưỡi rộng dài, che khắp ba ngàn đại thiên thế giới, nói lời thành thật rằng: chúng sanh người, nên tin kinh này là một bản kinh tán thán công đức chẳng xiết nghĩ bàn và được hết thầy chú Phật hộ niệm.

Này Xá Lợi Phất! Phương Thượng: Phật Phạm Âm, Phật Tú Vương, Phật Hương Thượng, Phật Hương Quang, Phật Đại Diễm Kiên, Phật Táp Sắc Bảo Hoa Nghiêm Thân, Phật Ta La Thọ Vương, Phật Bảo Hoa Đức, Phật Kiến Nhất Thiết Nghĩa, Phật Như Tu Di Sơn, hằng hà sa số Phật ở cõi mình, tướng lưỡi rộng dài, che khắp ba ngàn đại thiên thế giới, nói lời thành thật rằng: chúng sanh người, nên tin kinh này là một bản kinh tán thán công đức chẳng xiết nghĩ bàn và được hết thầy chú Phật hộ niệm.

Này Xá Lợi Phất! Ý ông thế nào? Sao gọi kinh này là kinh “Nhất thiết chú Phật hộ niệm”? Xá Lợi Phất này! Thiên nam, thiên nữ nghe kinh thọ trì và nghe danh hiệu chú Phật sáu phương, sẽ được chú Phật hộ niệm, bất thoái Vô-thượng Bồ-đề. Vì thế Xá Lợi Phất các ông đều nên tin chịu lời ta và lời chú Phật đã nói.

2- Khuyên nguyện

Này Xá Lợi Phất, những ai phát nguyện vãng sanh về cõi Phật A Di Đà, thì đều bất thoái Vô-thượng Bồ-đề. Nơi Phật Tịnh-độ ai đã phát nguyện thì đã sanh rồi, ai nay phát nguyện thì nay đang sanh, còn mai mới nguyện thì mai sẽ sanh. Bởi thế cho nên, này Xá Lợi Phất! Thiên nam, thiên nữ! Hễ có ai tin nên mau phát nguyện sanh về An Lạc.

3- Khuyên hạnh

Này Xá Lợi Phất! Ta nay ngợi khen chư Phật công đức chẳng xiết nghĩ bàn, thì chư Phật cũng khen ta công đức chẳng xiết nghĩ bàn. Các ngài nói rằng: “Phật Thích Ca Mâu Ni đã làm việc rất khó hiếm có, ở ngay giữa cõi Sa Bà kham khổ có năm ác trược: kiếp trược, kiến trược, phiền não trược, chúng sanh trược, mệnh trược, thế mà chúng được Vô-thượng Bồ-đề. Lại vì chúng sanh chỉ bày pháp ấy là pháp thế gian khó tin”.

Này Xá Lợi Phất, nên biết ở trong ngũ trược ác thế ta đã chứng được Vô-thượng Bồ-đề, việc này rất khó. Vì thế gian nói pháp khó tin ấy, lại càng khó hơn.

Kết khuyến

Phật nói kinh rồi, ngài Xá Lợi Phất và các Tỳ-kheo, hết thấy thế gian, cõi trời, cõi người, cõi A tu la và các cõi khác, nghe lời Phật nói vui mừng, tin chịu, làm lễ rồi lui.

*

BẠT NHẤT THIẾT NGHIỆP CHƯỚNG CĂN BẢN ĐẮC SANH TỊNH-ĐỘ ĐÀ LA NI:

Nam mô a di đà bà dạ, đà tha dà đà gia, đá địa gia tha, a di rị đô bà tỳ, a di rị đà, tất đam bà tỳ, a di rị đà tỳ ca lan đế, a di rị đà tỳ ca lan đà, già di nị, già già na, chỉ đà ca lệ, sa bà ha.

Hội Liên Trì trong sáng,

Đức A Di Đà Như Lai,

Cùng Quán Âm, Thế Chí hai ngài.

Tiếp dẫn lên hoa đài

Thề độ hết muôn loài

Rũ sạch kiếp trần ai.

Nam mô Liên Trì hội thượng Phật Bồ-tát ma-ha-tát (3 lần).

---o0o---

KINH TÂM YẾU BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐÀ

Bồ-tát Quán Tự Tại thực hành sâu xa pháp Bát Nhã ba la mật đa. Ngài soi thấy 5 uẩn đều không, độ thoát hết thấy khổ ách.

Này Xá Lợi Tử! Sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc. Sắc tức là không, không tức là sắc. Thọ, Tưởng, Hành, Thức cũng đều như thế.

Này Xá Lợi Tử! Tướng Không của mọi pháp không sanh không diệt, không như không sạch, không thêm không bớt.

Cho nên trong Chân Không không có sắc, không có thọ tưởng hành thức. Không có mắt tai mũi lưỡi thân ý, không có sắc thanh hương vị xúc pháp, không có nhãn thức giới... cho đến không có ý thức giới. Không có vô minh cũng không có hết vô minh... cho đến không có già chết cũng không có hết già chết. Không có Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Không có trí tuệ cũng không chứng đắc. Bởi vì vô sở đắc.

Bồ-tát y Bát Nhã ba la mật đa nên tâm không quản ngại. Vì không quản ngại nên không sợ hãi, xa hẳn mộng tưởng điên đảo, đạt tới cứu cánh Niết-bàn.

Ba đời chư Phật y Bát Nhã ba la mật đa, nên được đạo quả vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Cho nên biết Bát Nhã ba la mật đa là đại thần chú, là đại minh chú, là vô thượng chú, vô đẳng đẳng chú, trừ được hết thấy khổ, chân thật không hư.

Vì vậy nói chú Bát Nhã ba la mật đa: “Yết đế, yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế, bồ đề sa bà ha” (3 lần).

---o0o---

KINH LĂNG NGHIÊM **Chương Đại Thế Chí niệm Phật**

Ngài Đại Thế Chí, con đấng pháp vương, cùng 52 vị đại Bồ-tát đồng hạnh với ngài, đứng dậy dập đầu lễ dưới chân Phật, mà bạch Phật rằng: “Con nhớ đời xưa, cách đây nhiều kiếp, có Phật ra đời, hiệu ngài gọi là Phật Vô Lượng Quang. Mười hai Như Lai cùng nối ngôi nhau ra trong một kiếp, Như Lai cuối cùng hiệu ngài gọi là Siêu Nhật Nguyệt Quang. Ngài dạy con pháp “Niệm Phật Tam Muội”. Ví như 2 người: một người chuyên nhớ, một người chuyên quên. Hai người như thế, dù có gặp nhau cũng như chẳng gặp

; dù có thấy nhau cũng như chẳng thấy. Vậy hai người phải cùng nhớ tới nhau rất là thâm thiết, cứ như thế mãi, cho hết kiếp này, lại sang kiếp khác, như bóng với hình chẳng hề rời nhau.

“Mười phương Như Lai thương nhớ chúng sanh như mẹ nhớ con, nếu con trốn chạy, thì mẹ đâu nhớ có làm gì được. Nếu con nhớ mẹ, như mẹ nhớ con, mẹ con đời đời chẳng rời xa nhau”. Nếu tâm chúng sanh nhớ Phật niệm Phật, đời này đời sau quyết định thấy Phật, cách Phật chẳng xa. Chẳng nhờ đến pháp phương tiện nào khác, mà cũng khai ngộ được tâm của mình. Như người ướp hương, thân có mùi hương. Pháp này gọi là “Hương Quang Trang Nghiêm”. Chỗ bản nhân con dùng tâm niệm Phật vào vô sanh nhẫn. Nay ở cõi này, tiếp người niệm Phật về nơi Tịnh-độ. Phật hỏi viên thông, con không chọn lựa, con chỉ thu nhiếp tất cả sáu căn, chuyên một tịnh niệm, nối nhau liền liền, được vào chánh định, ấy là đệ nhất”.

---o0o---

NIỆM PHẬT

*Phật A Di Đà thân kim sắc,
Tướng tốt quang minh tự trang nghiêm,
Năm Tu-di uyển chuyển bạch hào,
Bốn biển lớn trong ngàn mắt biếc.
Trong hào quang hóa vô số Phật,
Vô số Bồ-tát cùng Thánh chúng.
Bốn mươi tám nguyện độ chúng sanh,
Chín phẩm sen vàng lên giải thoát.
Quy mạng lễ A Di Đà Phật
Ở phương Tây thế giới an lành,
Con nay xin phát nguyện vãng sanh,
Cúi xin đức Từ Bi tiếp độ.*

— *Nam mô Tây phương An Lạc thế giới đại từ đại bi, tiếp dẫn đạo sư A Di Đà Phật.*

— *Nam mô A Di Đà Phật (108 biến).*

— *Nam mô Quán Thế Âm Bồ-tát.*

(3 lần)

— *Nam mô Đại Thế Chí Bồ-tát.*

(3 lần)

— *Nam mô Địa Tạng Vương Bồ-tát.*

(3 lần)

— *Nam mô Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ-tát (3 lần).*

PHÁT NGUYỆN

Con nay khắp vì bốn ân ba cõi pháp giới chúng sanh, tất nguyện đoạn trừ ba chương quy mạng phát nguyện *(1 lễ)*.

Nguyện cùng người tu tịnh hạnh, thiện nghiệp trang nghiêm, phước trí hiện tiền. Nguyện A Di Đà Thế Tôn, Quán Âm, Thế Chí, từ bi tiếp thọ, vì con hiện thân, phóng tịnh quang minh, khiến cho chúng con, sáu căn tịch tĩnh, ba chương tiêu trừ, vui tu tịnh hạnh, thân tâm nhuần thấm, niệm niệm không mất Tịnh-độ thiện căn. Thường được thấy cõi Phật A Di Đà vi diệu trang nghiêm, vui vẻ lòng con, khiến con tinh tấn. Nguyện ngày mệnh chung dự biết thời khắc, tận trừ chương ngại, tuệ niệm tăng minh, thân không bệnh khổ, tâm không điên đảo. Hiện diện đối Phật A Di Đà cùng các Bồ-tát, hoan hỷ khoái lạc. Trong một sát na liền được vãng sanh An Lạc thế giới, hoa sen tươi nở, được Phật thọ ký. Từ đây tự tại hóa thân vì trần Phật sát, tùy thuận chúng sanh. Khiến cho Phật sát trần số chúng sanh phát tâm Bồ-đề, đều cùng thoát khổ, đồng sanh Tịnh-độ.

Hạnh nguyện như thế, niệm niệm hiện tiền, suốt đời vị lai nói tiếp không dứt, thân miệng ý nghiệp thường làm Phật sự.

Phát nguyện rồi, chí tâm quy mạng đánh lễ A Di Đà Phật biến pháp giới Tam-bảo (1 lay).

PHỤC NGUYỆN

Nguyện đem công đức trì chú, sám hối tụng kinh, hồi hướng vãng sanh.

Nguyện cho chúng con....

Nhất tâm hằng tỏ ngộ,

Lục dục sớm tan không,

Cõi nhân gian, sanh tử xa lìa,

Nơi An Lạc hóa sanh tự tại.

Ao thất bảo thành thoi tằm mát,

Đài cửu liên nhẹ gót tiêu dao,

Quán Âm, Thế Chí kết đồng hàng,

Bồ-tát Thánh Tăng là bạn lữ.

Thần thức hằng vui nơi cõi tịnh,

Nghiệp duyên trần không vướng mảy may,

Trên đài sen chín phẩm nở hoa,

Chư Phật phóng hào quang thọ ký.

Nam mô A Di Đà Phật

TAM QUY

— Tự quy y Phật, xin nguyện chúng sanh hiểu rõ đạo lớn, phát tâm Bồ-đề (1 lễ).

— Tự quy y Pháp, xin nguyện chúng sanh vào sâu kinh tạng, trí tuệ như biển (1 lễ).

— Tự quy y Tăng, xin nguyện chúng sanh thống lý đại chúng, hết thảy không ngại (1 lễ).

---o0o---

Yếu giải

NGŨ TRÙNG HUYỀN NGHĨA

I. Tên kinh

Phật nói Kinh A Di Đà

Phật: Đức Thích Ca Mâu Ni, đã giác ngộ, không một pháp nào ngài không biết rõ thật tướng. Vì bi nguyện giáng sanh cõi Sa Bà làm giáo chủ.

A Di Đà: Vô Lượng Quang, Vô Lượng Thọ, Vô Lượng Công Đức. Đây là danh hiệu đức giáo chủ cõi An Lạc ở phương Tây.

II. Thể chất của kinh

Kinh đại thừa nào cũng lấy thật tướng làm cốt tủy. Thật tướng là cái tướng chân thật của vạn pháp. Chúng ta đã biết thân người, thân vật, cây cối núi sông đều do bảy đại hợp thành. Theo kinh Lăng Nghiêm cả 7 đại đều là Như Lai Tạng diệu chân như tánh, chân tâm bản tánh của chúng ta. Hoa Nghiêm cũng tuyên bố: Nhất thiết duy tâm tạo. Vậy tất cả những gì nói ở trong kinh A Di Đà, đều là tâm tánh Bồ-đề của Phật, Bồ-tát và chúng sanh tạo ra. Tâm tánh này thường trụ ở khắp mười phương. Thánh phàm ai ai cũng sẵn đủ. Tâm tánh này là thể chất của đời sống nhưng chúng ta quên hẳn vì mãi mê với vọng tưởng lăng xăng. Hễ trở về sống với bản tánh tức là thành Phật, là người giác tỉnh. Then chốt tu hành là nhận rõ được tâm tánh chân thật của mình.

III. Tôn chỉ của kinh

Tôn chỉ là đường lối thiết yếu. Đây là cương lĩnh của tất cả công hạnh tu trì kinh A Di Đà.

A/. Tin: 1) *Tin mình*: Thế giới An Lạc vốn sẵn đang ở ngay trong tâm tánh mình. Chỉ cần tận lực tỉnh ra, đừng để kiến-hoặc tư-hoặc rối loạn bung bít, không thể trở về với tâm chân thật của mình. 2) *Tin người*: Tin Phật Thích Ca không nói dối, tin Phật A Di Đà không nguyện suông, tin sáu phương Phật tướng lưỡi rộng dài quyết không hai lời. 3) *Tin nhân*: Tin mỗi tiếng niệm Phật chính là cái nhân để vãng sanh cõi Phật. 4) *Tin quả*: Các thượng thiện nhân đang tụ hội ở cõi An Lạc đều do niệm Phật mà đã kết quả. 5) *Tin sự*: Cõi An Lạc là một cảnh giới có thật ở phương Tây. Phật A Di Đà đang phóng hào quang thật sự đi khắp mười phương để tiếp dẫn chúng sanh niệm Phật. 6) *Tin lý*: Bao nhiêu hoa đóm xanh đỏ quay cuồng đều do thần kinh mỗi nhọc mà tự thấy ra. Cảnh giới Sa Bà đã do sáu căn tuần nghiệp xấu ác mà phát hiện thì nay sáu căn thanh tịnh làm nhân, theo duyên thanh tịnh tiếp dẫn là đức Phật, hẳn về Tịnh-độ trang nghiêm còn nghi ngờ gì nữa.

B/. Nguyện: Đã tin chắc cõi Sa Bà như uế là do cộng nghiệp những tâm tánh như uế hiện ra, đúng lý ta nên chán bỏ. Cõi An Lạc thanh tịnh là do cộng nghiệp những người thanh tịnh tạo ra, đúng lý mình nên vui cầu. Do trạch pháp đã thấy đáng bỏ thì quyết định chán bỏ. Đã thấy nên cầu thì nhất định vui cầu.

Sách Diệu Tông nói: Bỏ hết rồi thì không còn gì phải bỏ nữa. Lấy hết rồi thì không còn gì phải lấy nữa. Ai chưa trọn vẹn thủ xả, đã tuyên bố tôi không

thủ xả, là người chấp lý bỏ sự. Ngược lại, sự đã bỏ chẳng xong thì lý hẳn chưa thấu triệt.

Ở đây chỉ là chuyển phiền não thành Bồ-đề, chuyển pháp giới phàm mê thành pháp giới thanh lương.

Chỉ nguyện này phải minh bạch rõ ràng.

C/. Hạnh: Chấp trì danh hiệu Phật A Di Đà, lấy nhất tâm bất loạn làm hẹn kỳ, lấy vãng sanh làm mục đích. Tu Tịnh-độ có nhiều phương pháp, đức Phổ Hiền nói 10 nguyện vương, kinh Vô Lượng Thọ nói trăm ngàn công hạnh, Quán Vô Lượng Thọ dạy nhiếp niệm quán tưởng. Kinh này chỉ duy một pháp trì danh. Đây là pháp môn liễu nghĩa vô thượng, tối cực viên đôn.

*

Khác với các pháp tu nhị thừa, tam thừa, tiểu thừa, đại thừa, tôn chỉ Tín Nguyện Hạnh của kinh này là cái mầm nhân chân thật của đạo nhất thừa, chỉ có duy nhất một hướng phương là quả Vô-thượng Bồ-đề.

Đây chính là tông chỉ của kinh Pháp Hoa.

IV. Lực dụng của kinh

Sanh sang Tịnh-độ, lên ngôi bất thoái là lực dụng của kinh.

Tịnh-độ có 4 cõi, mỗi cõi đều có 9 phẩm.

1) Niệm Phật chưa đoạn trừ được kiến-hoặc tư-hoặc, tùy theo tâm tán loạn hay yên định, sẽ sang 9 phẩm ở Đồng Cư (phàm thánh ở chung).

2) Niệm Phật đến sự nhất tâm bất loạn, kiến-hoặc tư-hoặc tiêu hết, sẽ được sanh sang cõi Phương Tiện Hữu Dư (riêng cho các vị Thanh-văn, Duyên-giác).

3) Niệm Phật đến lý nhất tâm bất loạn, phá được từ 1 đến 41 phẩm vô minh, sẽ được sanh sang cõi Thật Báo Trang Nghiêm (cõi này riêng cho Báo-thân Phật và các đại Bồ-tát), có khi chứng được một phần ở cõi Thường Tịch Quang.

4) Niệm Phật phá hết 42 phẩm vô minh, thời được sanh lên thượng thượng phẩm ở cõi Thật Báo Trang Nghiêm, hay là ở cõi rốt ráo Thường Tịch Quang (cõi này riêng của Báo-thân Phật và Pháp-thân Phật).

Cõi An Lạc nói trong kinh là Đồng Cư Tịnh-độ mà 3 Tịnh-độ trên cũng có đủ cả ở ngang ngay đấy.

Bất thoái có 4 nghĩa:

1- Niệm bất thoái.

2- Hạnh bất thoái.

3- Vị bất thoái.

4- Tất cánh bất thoái.

1) Niệm bất thoái: Phá hết vô minh, hiểu rõ Phật tánh, sanh cõi Thật Báo, hay cõi phân chứng Thường Tịch Quang.

2) Hạnh bất thoái: Đoạn hết kiến-hoặc, tư-hoặc, trần sa hoặc, sanh cõi Phương Tiện.

3) Vị bất thoái: Mang cả ác nghiệp sanh cõi Đồng Cư, gửi thể chất vào hoa sen, vĩnh viễn dứt hết mọi ác duyên thoái chuyển.

4) Tất cánh bất thoái: Niệm Phật bất luận nhất tâm hay tán loạn, hiểu hay chẳng hiểu, đều là nhân duyên giải thoát một ngày mai. Danh hiệu Phật A Di Đà, danh hiệu kinh này, danh hiệu chư Phật sáu phương, 3 thứ này khi đã lọt vào tai rồi không bao giờ luống uổng.

Đặc biệt kinh có lực dụng lạ lùng là có thể khiến người tu đời nghiệp vãng sanh về cõi Đồng Cư chứng Vị bất thoái cùng Bồ-tát bồ xứ ở chung.

V. Giáo tướng

Kinh A Di Đà thuộc về Đại thừa Bồ-tát tạng, loại “không ai hỏi mà Phật tự nói”. Bí áo của Hoa Nghiêm⁽¹⁾, cốt tủy của Pháp Hoa⁽²⁾, tâm yếu của chư Phật⁽³⁾, chỉ nam của Bồ-tát hạnh⁽⁴⁾, đều có ở bộ kinh này. Tán thán bao nhiêu cũng chưa đủ, thỉnh các bậc trí tuệ để ý.

A/ I. Thông tựa

Trong Tịnh-độ hội đại chúng gồm 3:

1/. Thanh-văn chúng đứng đầu vì: a) Hình tướng xuất thế gian. b) Thường theo Phật. c) Phật và Pháp nhờ Tăng được lưu truyền.

2/. Bồ-tát hình tướng bất định (có vị xuất gia, có vị tại tục) tiêu biểu nghĩa trung đạo.

3/. Trời, người, tám bộ hình tướng thế gian, có cả phàm thánh, đứng địa vị ngoại hộ.

1- Thanh-văn chúng. Tỳ-kheo: Hàm 3 nghĩa: a) Khất sĩ (bậc sĩ xin ăn và xin đạo). b) Phá ác (dùng trí tuệ đoạn phiền não vô minh). c) Phổ ma (đã thọ đại giới nên ma sợ hãi).

A-la-hán: Hàm 3 nghĩa: a) Ứng cúng (hưởng cúng dường — quả khất sĩ). b) Sát tặc (giết hết giặc phiền não — quả phá ác). c) Vô sanh (không sanh tử — quả phổ ma).

Xá Lợi Phát trí tuệ đệ nhất.

Mục Kiền Liên thần thông đệ nhất.

Ma-ha Ca Diếp đầu đà đệ nhất.

Ma-ha Ca Chiên Diên nghị luận đệ nhất.

Ma-ha Câu Si La khéo đáp đệ nhất.

Ly Bà Đa thiền định đệ nhất.

Châu Lợi Bàn Đà Già nhớ nghĩa đệ nhất.

Nan Đà nghiêm hộ sáu căn đệ nhất.

A Nan Đà học giỏi đệ nhất.

La Hầu La mặt hạnh đệ nhất.

Kiều Phạm Ba Đề phước điền cõi trời đệ nhất.

Tân Đầu Lư Phả La Đọa phước điền cõi người đệ nhất.

Ca Lưu Đà Di giáo hóa đệ nhất.

Ma-ha Kiếp Tân Na thiên văn đệ nhất.

Bạc Câu La thọ mạng đệ nhất.

A Nâu Lô Đà thiên nhãn đệ nhất.

Các ngài là chúng đương cơ, kham thọ Phật giáo, kham làm Phật sự.

2- Bồ-tát chúng. Văn Thù Sư Lợi: Diệu Cát Tường, trí tuệ đệ nhất. A Dật Đa: Vô Năng Thắng, tên riêng của đức Di Lặc. Càn Đà Ha Đề: Tu hành không ngừng nghỉ. Thường Tinh Tấn: Lợi mình lợi người không mỏi mệt.

3- Thiên nhân chúng. Thích Đề Hoàn Nhơn, ta gọi là Ngọc hoàng Thượng đế hay Đế Thích là vua cõi trời Đạo Lợi.

II. Biệt tựa

Nguyên âm Ấn Độ là Sumati, Hán dịch là An Lạc, Cực Lạc, Diệu Ý, An Dưỡng, Thanh Thái v.v... nghĩa là an ổn vui vẻ.

Kinh nhân mạnh có thể giới gọi là An Lạc, có Phật hiệu A Di Đà hiện đang thuyết pháp, khiến chúng ta chuyên chú nhất tâm hướng về cảnh giới hiện đang có thật. Cõi Sa Bà, đức Phật Thích Ca đã nhập Niết-bàn, đức Di Lặc chưa giáng sanh, chúng sanh không nơi nương tựa nên phát nguyện cầu vãng sanh để được gần Phật, nghe pháp.

---o0o---

B/ CHÁNH TÔNG

I. Khải tín

1- Y báo

Chúng sanh: Từ Đẳng-giác Bồ-tát đến nhân dân, những ai đang ở cõi An Lạc. Kinh nói về cảnh giới của hạng kém nhất khiến ta tự hiểu ở phẩm thượng thượng sự sung sướng đến thế nào. Cũng để so sánh với cõi Sa Bà sanh già bệnh chết, ân ái biệt ly, oán thù gặp gỡ, năm ám lầy lừng, bao nhiêu thống khổ. Những cái mà cõi Sa Bà gọi là vui, Phật gọi là hoại khổ vì từng sát na vô thường, vui gì cũng thành không, chỉ để lại nuôi tiếc đau nhớ.

Nước tám công đức: 1) Trong trẻo. 2) Mát mẻ. 3) Ngon ngọt. 4) Mềm nhẹ (có thể chảy ngược đi lên). 5) Nhuận trạch (khác với nước cõi Sa Bà làm

thối nát tan rữa). 6) An hòa (không có sóng dữ). 7) Trừ đói khát. 8) Nuôi lớn thiện căn.

Hoa sen bào thai một khi xòe nở, người vãng sanh lên ngay bờ ao, vào pháp hội thấy Phật nghe pháp.

Hoa sen. Vi: hoa có hình mà không chất, toàn là ánh sáng. Diệu: các hoa đi qua lẫn nhau không chướng ngại. Hương: thơm. Khiết: vì không chất nên bụi bám vào đâu. Thai sen có 4 đức thì thân sanh ra cũng thế. Cảnh giới trang nghiêm đều do chí và hạnh hùng vĩ của Phật A Di Đà cảm thành. Chúng sanh cũng do nhân thiện căn, duyên phước đức mà được hưởng. Người tín nguyện cứ một niệm Phật là một thành công trang nghiêm Tịnh-độ.

Phật và nhân dân, y báo chánh báo, toàn là ánh sáng thì đâu có ngày đêm. Dân Sa Bà cuộc đời là một đêm dài vô hạn. Ánh sáng đều nhờ mặt trời mặt trăng nên mới có ngày đêm, thành có thời gian hôm qua hôm nay và ngày mai. Chim hót ngày đêm sáu buổi thì đủ biết cõi An Lạc, chim cũng như người không có si nghiệp, không có tánh ngủ.

Trước đem năm căn năm trần, sau riêng đem nhĩ căn và thanh trần để thích nghĩa thọ dụng. Bởi vì cõi An Lạc thu hút tất cả căn cơ trong pháp giới, cả năm trần đều là động cơ tu tập viên thông. Phật nay đang nói kinh ở cõi Sa Bà, cõi này nhĩ căn riêng thông lợi nên Phật đặc biệt đem tiếng nói pháp của cả hai loài hữu tình và vô tình để miêu tả cái vui giải thoát hiện tại và ngộ đạo ngày mai. Thính chúng cõi Sa Bà có thể tin mình có khả năng giác tỉnh nếu được ở cảnh ngộ này, do đây sẵn sàng phát nguyện vãng sanh.

Ngũ căn: 5 gốc rễ: tín, tiến, niệm, định, tuệ.

Phàm phu phát tâm Bồ-đề thường hời hợt nên dễ mất. Nay cần gần thiện tri thức nghe pháp học kinh để tâm Bồ-đề kiên cố. Như cái cây có gốc rễ mới có thể vững vàng dưới gió bão nắng sương.

Ngũ lực: 5 gốc rễ đã có năng lực phát ra cành lá hoa trái. Tâm Bồ-đề chẳng những không bị các chướng ngại làm cho lui sụt mà còn có năng lực dũng mãnh trên câu Phật Pháp dưới độ chúng sanh, cùng nhau phá ác tu thiện v.v...

Thất Bồ-đề phần: 7 tâm trợ duyên giác ngộ. 1) Trạch pháp: trí tuệ khéo phân biệt chân ngụy. 2) Tinh tấn. 3) Hỷ. 4) Trừ: đoạn ác. 5) Xả. 6) Định. 7) Niệm. Tu hành cần định tuệ cân phân. Nếu tự thấy hôn trầm thì dùng 3 giác phần là trạch pháp, hỷ, tinh tấn để tự phân chấn. Nếu tự thấy bồn bộng xáo động thì dùng 3 giác phần trừ, xả và định để tự điều hòa. Tâm nhớ các pháp phải thời phải chỗ như vậy gọi là niệm.

Bát chánh đạo:

1) Chánh kiến: Thấy theo Tứ Diệu Đế.

2) *Chánh tư duy*: Hằng quán sát: thân bất tịnh, thọ thị khổ, tâm vô thường, pháp vô ngã v.v...

3) *Chánh ngữ*: Lời nói từ tâm trí tuệ và từ bi.

4) *Chánh nghiệp*: Không sát sanh mà hộ sanh, không trộm cắp mà bố thí v.v...

5) *Chánh mạng*: 1. Không nuôi thân mạng bằng nghề ruộng vườn. 2. Không nuôi thân mạng bằng nghề thiên văn địa lý bói toán. 3. Không nuôi thân mạng bằng nghề xoay sở kinh doanh buôn bán. 4. Không nuôi thân mạng bằng nghề bùa chú tà thuật. Lại có 5 loại tà mạng: 1/- Giả hiện tướng tu hành cầu người cúng dường. 2/- Tự khoe công đức. 3/- Xem tướng xem bói. 4/- Giọng nói hồng hách ra oai. 5 Nói khích khiến người bỏ của ra cúng.

6) *Chánh tinh tấn*: Tu đạo Niết-bàn.

7) *Chánh niệm*: Nhớ niệm các pháp chánh đạo và trợ đạo.

8) *Chánh định*: Dùng trí tuệ vô lậu ứng hợp vào thiền định.

Còn nhiều pháp khác: Tứ niệm xứ, tứ chánh cần, tứ nhiếp, lục độ v.v...

*

Trong kinh mỗi đoạn nói xong Phật lại kết rằng: “Chỉ lấy công đức mà tạo thành được trang nghiêm thế đấy”. Đây là cô ý nói đi nói lại cho người tin sâu rằng: Tất cả đều do chí nguyện và hành vi của đức A Di Đà đã tạo thành, do chủng trí của ngài đã thực hiện. Và cũng do ba nghiệp thân miệng ý rất thanh tịnh của mỗi người tu đã cảm ứng mà biến hiện ra ở trong tâm thức của mình. Tâm Phật tâm chúng sanh cùng làm *ảnh* và *chất* cho nhau. Thí dụ như các ánh sáng của nhiều ngọn đèn cùng sáng khắp cả với nhau thì coi tựa như một ánh sáng. Hoàn toàn lý ấy đã thành ra sự, hoàn toàn sự vật ấy tức là lý thật. Hoàn toàn tánh ấy đã khởi ra hạnh tu. Hoàn toàn hạnh tu ấy đều ở trong tánh. Mong người học suy nghĩ sâu xa cho tỏ ngộ. Đừng bỏ cõi Tịnh-độ của Phật thật có mà chỉ bàn suông đến cái Tịnh-độ bóng ma, cái bóng duyên vọng tưởng ở trong tâm mình, đến nỗi cam chịu tiếng chê là *thử tức, điều không*.

Sư cụ Tuệ Nhuận giảng thêm: Chữ *ảnh* và chữ *chất*, Ngẫu Ích đại sư rút ở kinh Lăng Già quyển I. Phật thí dụ thức A-lại-da như cái gương rất lớn không bên bờ giới hạn. Vạn vật như bóng hiện trong gương. Chỗ có bóng ảnh chính là chất gương. Thân và Độ của Phật là ảnh thì tâm chúng sanh là chất gương. Thân và Độ của chúng sanh là ảnh thì tâm Phật là chất gương. Ý nói Phật ở trong tâm thức chúng sanh, chúng sanh ở trong tâm thức Phật. Tuy ở trong nhau mà không dính chặt lấy nhau chỉ như ảnh trong gương.

Thử tức và điều không là lời chế giễu những người nông nổi, ai nói sao bào hao làm vậy, không tìm hiểu sự thật. Nghe nói “Phật tức tâm” thì cứ lập đi

lập lại Phật tức tâm, chớ không hiểu gì cả, khác nào con chuột kêu “tức, tức”. Lại nghe “vạn pháp đều không” thì cũng nói không mà chẳng hiểu gì, chỉ như chim vẹt kêu không, không.

2- Chánh báo

Mục đích kinh này chỉ bày diệu hạnh trì danh cho nên Phật Thích Ca đặc biệt nêu ra câu hỏi rồi tự giải thích rõ ràng. Ý muốn đệ tử tin sâu vạn đức hồng danh không thể nghĩ bàn, để nhất tâm trì niệm không còn nghi ngờ gì nữa. Chỉ dùng 2 nghĩa Quang và Thọ để nói vô lượng nghĩa. Quang khắp mười phương (vũ) Thọ suốt ba đời (trụ) là toàn thể pháp giới. Từ nhất chân pháp giới này đã hiện ra thân và quốc độ Phật A Di Đà. Cho nên danh hiệu A Di Đà tức là tên của lý tánh bản giác. Bản giác của Phật và chúng sanh không hai. Khởi tâm cất tiếng niệm danh hiệu Phật là thủy giác. Người niệm Phật tập tỉnh thức. Bản giác, thủy giác không hai. Một niệm chúng sanh và Phật ứng hợp thì tâm niệm ấy là Phật. Niệm niệm ứng hợp thì niệm niệm là Phật.

“Này Xá Lợi Phất, quang minh vô lượng chiếu mười phương cõi không đâu chướng ngại nên hiệu là A Di Đà”. Tâm yếu của hết thầy chư Phật là ở cả đây. Tâm linh con người yên lặng (tịch) mà thường soi sáng (chiếu) hiển nên ánh quang minh. Bởi Phật đã chứng triệt-để tâm tánh nên quang minh có thể hiển khắp. Phật nào cũng vô lượng quang. Pháp-thân, Báo-thân Phật nào cũng xứng tánh ở khắp mười phương. Nhưng quang minh của Ứng-thân thì tùy sự cần dùng. Có vị soi 1 do tuần, có vị soi 10, có vị soi 100. Chỉ có Phật A Di Đà soi vô lượng thế giới nên tên là Vô Lượng Quang. Vì từ lúc tu nhân, Pháp Tạng Tỳ-kheo phát 48 nguyện. Trong có một nguyện là quang minh thường soi khắp mười phương để tiếp dẫn tất cả chúng sanh có duyên về cảnh giới an lành của ngài.

Không đâu chướng ngại: Hào quang Phật vẫn soi khắp nhưng người niệm Phật nhiều, đã kết duyên sâu dày với Phật thì mới thấy rõ. Còn kẻ vô duyên vẫn không thấy. Ai có duyên với Phật, về ở cõi Phật thì sống lâu vô lượng như Phật. Kẻ vô duyên, ở cõi Sa Bà, vẫn già bệnh chết.

Chân tâm bản tánh Chiếu mà vẫn Tĩnh nên không có quá khứ hiện tại vị lai, gọi là Vô Lượng Thọ. Pháp-thân vô thủy vô chung. Báo-thân hữu thủy vô chung. Phật nào cũng vậy, chỉ có Ứng-thân thì mỗi vị tùy nguyện tùy cơ, thọ mạng dài ngắn không đồng. Pháp Tạng Tỳ-kheo đã nguyện thọ mạng của Phật và dân đều vô lượng. Nay ngài đã mãn nguyện nên được tên là Vô Lượng Thọ.

Chúng sanh đồng thể Quang Thọ với Phật, nếu được sanh về cõi An Lạc thì sẽ tự thấy viên hòa dung hợp với khắp mười phương. Thấy Phật A Di Đà tức là được thấy hết thầy chư Phật. Đã có thể tự độ tức là có khả năng độ được hết thầy chúng sanh.

Vì Vô Lượng Thọ nên tất cả cõi An Lạc ai ai cũng là nhất sanh bổ xứ. Vậy chúng ta nên nhớ, rời bỏ tâm Vô Lượng Quang Thọ, chúng ta chẳng tìm đâu cho có được cái danh hiệu Phật A Di Đà. Và rời bỏ danh hiệu Phật A Di Đà thì cũng thật khó cho chúng ta chứng được triệt-để cái tâm Vô Lượng Quang Thọ.

Tôi cầu nguyện quý ngài nên để ý nghĩ kỹ về 2 nghĩa này. Tôi cầu nguyện quý ngài nên tìm hiểu sâu xa 2 nghĩa này.

Chư Phật thành đạo, vị nào cũng có 2 phần Bản (căn bản cõi gốc) và Tích (hình tích dấu vết). Chúng ta chẳng thể suy lường được phần Bản. Về phần Tích thì đức A Di Đà thành Phật ở thế giới An Lạc đã 10 kiếp. Ngài tu cho mình thành Phật, mà đồng thời cho tất cả chúng sanh thành Phật. Vậy ta đem tâm tín nguyện niệm Phật, thì niệm niệm thành cho mình, đồng thời cũng thành cho tất cả chúng sanh. Kinh gọi như thế là “nhất thành, nhất thiết thành”.

II. Khuyên phát nguyện

Văn kinh nêu chỉ cho thấy Nhân và Duyên vô thượng. Đặc biệt khuyên cầu vãng sanh Tịnh-độ vì mang ác nghiệp mà về cõi thánh, rẽ ngang ra khỏi tam giới, ở cõi Đồng Cư mà đủ cả 4 Tịnh-độ, được nghe pháp luân của cả 4 giáo môn, được thấy cả 3 thân Phật, chứng đủ 3 ngôi bất thoái, được nhất sanh bổ xứ. Phật chỉ điểm cho bao nhiêu công đức tuyệt vời như thế, thỉnh người có chí lưu tâm nghiên cứu kỹ càng.

Bất thoái:

1- *Vị bất thoái:* Địa vị tứ thánh (chẳng đọa lục phàm).

2- *Hạnh bất thoái:* Hạnh Bồ-tát thường hóa độ chúng sanh chẳng đọa nhị thừa.

3- *Niệm bất thoái:* Tâm tâm niệm niệm như dòng nước chảy vào bể Nhất Thiết Trí.

Người phạm tội ngũ nghịch, mười ác, nếu tín nguyện mỗi ngày chí tâm niệm 10 tiếng Nam mô A Di Đà Phật, cho đến lúc chết tâm không điên đảo thì được vãng sanh hạ hạ phẩm ở cõi Đồng Cư, cũng được đủ ba ngôi bất thoái. Nếu chẳng chứng được tâm tánh đến cực điểm, chẳng có đại công trì danh, chẳng có nguyện lớn của Phật A Di Đà, thì làm gì có sự lạ như thế.

Lại nữa một đời giáo hóa của đức Thích Ca, chỉ có kinh Hoa Nghiêm nói đến pháp môn viên đốn tu một thân thành Phật. Than ôi! Cái thuyết phạm phu lên ngôi bổ xứ là một khởi xướng khó suy lường, lại có ở ngay trong bản kinh A Di Đà này. Nếu mỗ tìm vẩy máu ra mà khiến thiên hạ tin được, việc này tôi nghĩ cũng nên làm. Phẩm cuối kinh Hoa Nghiêm đức Phổ Hiền nói 10 hạnh nguyện, chỉ đường cho cả hải hội Hoa Tạng về cõi An Dưỡng. Thế thì cũng kinh Hoa Nghiêm nói, cái mầm nhân để tạo ra quả Nhất Sanh Viên Mãn ấy, chính là tín nguyện vãng sanh cõi Phật A Di Đà.

Cõi Sa Bà chúng ta, được nghe được thấy các thánh nhân thật đã quá hiếm hống chi thân cận. Thời Phật tại thế, thánh nhân tuy nhiều nhưng làm gì có khắp trong nước. Ngày nay y theo kinh A Di Đà, chỉ cần tu một nghiệp niệm Phật liền được về cõi Tịnh-độ Đồng Cư, được các thánh nhân làm thầy làm bạn, cùng diệt vô minh, cùng lên Diệu-giác. Bởi vì niệm Phật cũng gọi là tịnh nghiệp, là nghiệp vô lậu bất tư nghi, là nghiệp có nhiều thiện căn làm nhân, có nhiều phước đức làm duyên, cho nên mới đồng nghiệp với các thánh nhân mà được cảm ứng đồng về chung ở.

Vậy ta nên biết cái nhân duyên đại sự của loài người chúng ta là cái cửa ải đi sang cõi Đồng Cư này, một cửa ải rất khó lòng ra thoát. Chúng ta phải hiểu rõ sức mạnh lời nguyện của Phật A Di Đà, công đức của danh hiệu Phật và tâm tánh con người chẳng thể nghĩ bàn. Khi ấy chúng ta mới chịu phát đại thệ nguyện. Thâm tín và phát nguyện tức là tâm Vô-thượng Bồ-đề. Tín và Nguyện là kim chỉ nam đưa chúng ta về Tịnh-độ. Nếu Tín Nguyện kiên cố thì lâm chung chỉ 10 niệm hoặc 1 niệm cũng quyết định vãng sanh. Còn như không có Tín Nguyện, chỉ niệm Phật để đề đề nén vọng tưởng, thì dù niệm khít khít như tường vách, gió thổi không lọt chẳng nữa cũng không kết quả. Kinh Đại Bản A Di Đà cũng lấy việc phát Bồ-đề nguyện làm thiết yếu.

III. Lập hạnh

Chỉ cái Nhân vô thượng để một lần nữa khuyên người cầu Quả vô thượng. Tâm Bồ-đề là thiện căn (gốc lành), là cái nhân thân thiết. Còn bố thí, trì giới, thiền định v.v... đều là phước đức, tức là duyên trợ giúp tâm đạo nảy nở. Thanh-văn Duyên-giác, thiện căn Bồ-đề ít lắm. Nhân thiên tu phước nghiệp hữu lậu (còn phiền não: tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến), phước đức cũng ít lắm, chẳng thể vãng sanh Tịnh-độ.

Chỉ có Tín Nguyện, trì danh, mỗi niệm thiện căn rất nhiều, phước đức rất nhiều.

Niệm Phật tâm còn tán loạn, phước đức thiện căn đã nhiều vô lượng, hống chi nhất tâm bất loạn.

Tâm người niệm Phật cảm động đến tâm Phật, tâm Phật ứng hợp với tâm người, giống như bàn in.

Như thế thì Phật A Di Đà và các thánh chúng, tuy tâm các ngài chẳng ở đâu lại mà chính các ngài có lại thật, cúi xuống tiếp dẫn mình. Người tu tịnh nghiệp, tâm mình cũng chẳng đi đâu mà chính mình có đi thật, mang thể chất gói trong hoa sen báu.

Phật Thích Ca nói: *“Thiện nam tử, thiện nữ nhor niệm Phật”*. Vậy hạng người nào được gọi là thiện nam, thiện nữ? Bất luận tại gia, xuất gia, sang, hèn, già, trẻ, thiên, nhân, a tu la, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục, noãn sanh, thai sanh, thấp sanh, hóa sanh, bất luận ai đã được nghe danh hiệu Phật A Di Đà, tức là cái “quả thiện căn” trông từ nhiều kiếp, nay đã thành, đã chín, thì

những người ấy dù có phạm tội ngũ nghịch, thập ác, cũng đều được gọi là “*thiện*”.

A Di Đà Phật, vạn đức hồng danh, niệm danh hiệu ấy để vời công đức ấy đến với mình. Đây là một phép tu rất giản dị, rất thẳng mau.

Chẳng có Tín Nguyện thời tuy có được nghe, cũng như chẳng được nghe, chỉ gieo duyên thiện căn về nhiều kiếp sau. Chẳng gọi được là *Văn tuệ*.

Luôn luôn niệm danh hiệu Phật A Di Đà chính là *Tu tuệ*.

Có 2 lối chấp trì:

1. *Sự trì* tin có Phật A Di Đà ở Tây phương thật sự, nhưng chưa hiểu được thế nào là “*Tâm mình tạo tác ra Phật, tâm mình chính là Phật*” (thị tâm tác Phật, thị tâm thị Phật), chỉ quyết chí cầu sanh Tịnh-độ, lúc nào cũng như con thơ nhớ mẹ không quên.

2. *Lý trì* tin Phật A Di Đà cõi Tây phương đã sẵn có ở tâm mình, lấy danh hiệu Phật ấy, làm cảnh giới trụ tâm, khiến cho an định mà tuệ vẫn sáng chiếu (tuy lý trì mà chẳng bỏ sự trì).

Chấp trì danh hiệu Phật A Di Đà từ 1 ngày cho đến 7 ngày. Nghĩa là phải cho kỳ được “*nhất tâm bất loạn*”.

Lợi căn niệm 1 ngày được bất loạn ; độn căn phải 7 ngày ; trung căn không nhất định, hoặc 2 ngày, hoặc 3, 4, 5, 6 ngày mới được bất loạn. Đây là một phương pháp định kỳ tu. Hạ căn có khi bao nhiêu lần 7 ngày vẫn chưa được.

Lại có nghĩa nữa, lợi căn giữ luôn được 7 ngày tâm chẳng loạn ; độn căn chỉ giữ được 1 ngày. Còn trung căn thì không nhất định, có người giữ được 6 ngày, có người giữ được hoặc 5, hoặc 4, hoặc 3, hoặc 2 ngày mà thôi.

Nhất tâm cũng có 2: Sự nhất tâm và Lý nhất tâm.

1. Bất luận sự trì hay lý trì, hễ phục trừ được mọi phiền não: tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, diệt kiến-hoặc và tư-hoặc, cả 2 đều là sự nhất tâm.

2. Bất luận sự trì hay lý trì, hễ thấy được Phật của tâm tánh mình, thì cả 2 đều được lý nhất tâm.

Sự nhất tâm thì chẳng bị kiến-hoặc tư-hoặc làm rối loạn. Lý nhất tâm thì chẳng bị những tà thuyết nhị biên làm rối loạn. Đó là Tu tuệ.

Tâm mình chẳng bị kiến và tư làm rối loạn, cho nên vãng sanh về cõi Đồng Cư, hoặc cõi Phương Tiện.

Tâm mình chẳng bị tà thuyết nhị biên làm rối loạn, vãng sanh về cõi Thật Báo Trang Nghiêm, hoặc cõi Thường Tịch Quang.

Ngài Đại Thê Chí, trong kinh Lăng Nghiêm, nói về pháp trì danh này bảo rằng: “*Chẳng cần đến pháp phương tiện nào khác mà cũng khai ngộ được tâm của mình*” nghĩa là không cần tu thêm các pháp quán hoặc thoại đầu v.v... cứ một bề nhất tâm trì danh là đủ. Nên biết đối với người có mắt thì có nhiên người ta tự thấy ánh sáng mặt trời đâu có cần phải thắp đèn thêm. Đối với người mù thì ánh sáng mặt trời còn chẳng thấy, đốt đèn thêm ích gì?

Hỏi: Kinh dạy 10 niệm được vãng sanh, vậy cần gì phải niệm những 7 ngày?

Đáp: Bình thời không có công phu tập cho được nhất tâm bất loạn, lâm chung chắc gì niệm Phật nổi được 10 tiếng. Ngũ nghịch thập ác lâm chung 10 niệm vãng sanh là những người đã có thiện căn phước đức từ nhiều đời, lâm chung gặp thiện tri thức chỉ dạy, liền đủ Tín Nguyện. Vạn người khó có một người may mắn như thế.

Quán Kinh nói: Một niệm danh hiệu Phật diệt trừ 80 ức kiếp sanh tử trọng tội. Cũng như mặt trời đã mọc thì tối tăm cả bao nhiêu kiếp cũng tan.

Hỏi: Người niệm Phật mà tâm tán loạn, cũng trừ được tội chăng?

Thưa: Công đức của danh hiệu Phật bất khả tư nghĩ, sao chẳng trừ được tội. Chỉ có điều không chắc có được vãng sanh. Vì thiện căn tán loạn man mác như thế, khó lòng địch lại được bao nhiêu tội ác tích lũy từ vô thủy. Phải biết rằng những tội ác ấy, giá mà có thể-tướng, thì cả hư không cũng không chứa được hết. Tuy rằng một đêm một ngày niệm được 10 vạn tiếng A Di Đà, mỗi tiếng diệt được 80 ức kiếp sanh tử trọng tội, niệm đủ 100 năm cũng chẳng tiêu hết tội nghiệp. Vì những tội đã diệt ít lắm chỉ bằng một tí đất ở đầu móng tay thôi. Những tội chưa diệt hãy còn nhiều bằng cả quả đất. Chỉ có người nào niệm Phật nhất tâm bất loạn, mới có sức mạnh như một kiện tướng phá vòng vây. Cả ba quân đoàn cũng chẳng ngăn lại được. Nhưng dù sao, thì mỗi một tiếng niệm Phật đã là một hạt giống thành Phật rồi, ngọc kim cương chẳng bao giờ hoại.

Tôi xin cúi đầu cầu nguyện các vị xuất gia, tại gia, người trí, người ngu, đối với pháp môn niệm Phật, viên đốn, giản dị, mau lẹ này chớ coi là khó mà sanh thoái lui ; chớ coi là dễ mà sanh lười chẳng cố gắng ; chớ coi là nông cạn mà khinh miệt ; chớ coi là quá sâu mà chẳng dám thọ trì.

Danh hiệu Phật A Di Đà trì niệm đây, là danh hiệu chân thật, chẳng khá nghĩ, chẳng khá bàn.

Cái tâm tánh mình đang trì niệm đây, cũng chân thật lắm, chẳng khá nghĩ, chẳng khá bàn.

Trì niệm một tiếng là một tiếng chẳng khá nghĩ, chẳng khá bàn (người đọc đến câu này, nên biết giờ phút này là giờ phút đóa hoa Ưu đàm bát la xuất hiện), mình trì niệm được 10 tiếng hay 100, 1000, 10.000 tiếng hay vô lượng, vô số tiếng, thì tiếng nào tiếng nào cũng đều là chân thật, chẳng khá nghĩ, chẳng khá bàn vậy.

*

“Xả Lợi Phát ơi, ta thấy lợi thế, cho nên nói thế”. Đây là nói cái lợi tới giờ phút sắp chết mà tâm mình chẳng điên đảo. Tự lực tu hành ở Sa Bà, lúc sắp chết là lúc đến “cửa ải tử sanh”, rất khó đủ lực giải thoát. Chẳng nói những

kẻ tu hành ngoan cố, trí tuệ nông cuồng, buồn tủi không kết quả. Ngay những thiền gia đốn ngộ lâm chung, “tập khí” bằng sợi tơ còn sót cũng thừa sức mạnh lôi đi truy lạc. Vĩnh Minh thiền sư bảo rằng: “Ám cảnh nếu thấy hiện ra, chỉ chớp mắt là theo nó”. Nghe lời này, thật rùng mình lạnh buốt trái tim! Người tu được quả đạo thứ nhất tiêu thừa rồi mà đầu thai vẫn mê muội. Bồ-tát cách thân ngũ ấm vẫn hôn mê.

Chỉ có tín, nguyện, trì danh, nhờ sức Phật giúp thêm mới thoát khỏi cái giờ phút hiểm nguy ấy. Nguyện lực từ bi của Phật A Di Đà mạnh lắm, Phật cùng thánh chúng hiện ra trước mặt an ủi dẫn đường, khiến tâm ta không điên đảo mà tự tại vãng sanh.

Phật Thích Ca biết rõ chúng sanh, giờ phút lâm chung, có cái khổ điên đảo rối loạn nên ân cần khuyên đi, khuyên lại, phải phát nguyện. Vì nguyện có sức mạnh khiến niệm Phật. Có niệm Phật mới bảo đảm thoát được cái đau khổ nhất đời này. (Lời nói thiết tha, nên khắc xương ghi dạ).

Tâm Tín Nguyện chẳng phát khởi thời tâm sanh thiện, vui cầu cõi tịnh, với tâm phá ác, chán bỏ cõi uế, đều chẳng sanh được, hướng chi tâm liễu ngộ vào tới lý Phật.

Vậy chỉ có “sự trì danh” cầu được thấy Phật khác rồi mới tỏ ngộ được “lý trì danh” là thấy Phật mình. Thấy Phật A Di Đà và Thánh chúng hiện ra, tức là Phật của tâm tánh mình đã hiện ra. Vãng sanh về quả đất kia được thấy Phật, được nghe pháp, nhờ đây thành tựu trí tuệ.

Pháp môn niệm Phật này thâm diệu lắm, phá hết thảy lý luận suông, diệt hết thảy ý kiến tà. Chỉ có những bậc đại sư, như các ngài Mã Minh, Long Thọ, Trí Giả, Vĩnh Minh v.v... mới triệt-để gánh vác được. Còn những người giàu trí tuệ thế gian, tài thông minh biện bác, dùng hết sức suy nghĩ, càng suy nghĩ càng xa, chẳng bao giờ tới. Những người này lại không bằng mấy ông, mấy bà thật thà chất phác chịu khó niệm Phật, cảm thông được trí tuệ Phật, thâm hợp được đạo mâu.

Một câu: “Ta thấy lợi thế, cho nên nói thế”, rõ ràng là mắt Phật thấy, tiếng Phật nói, để ấn định cái sự thật ấy, sao còn trái lời Phật, chống lại Phật, mà chẳng thuận theo?

---o0o---

C/ LƯU THÔNG

I. Phổ khuyến

1- Khuyến tín

Bốn chữ: “bất khả tư nghị” (chẳng khá nghĩ bàn) lược giải có 5 nghĩa:

1/. Người niệm Phật có thể vượt tất ra ngoài tam giới ngay, chẳng phải đợi đoạn trừ hết mê hoặc.

2/. Cứ sanh sang Tây phương là được lên đủ cả 4 cõi Tịnh-độ, chẳng phải noi lên dần dần từng cõi một. Người niệm Phật sanh sang Tây phương là thành Bồ-tát bất thoái và nhất sanh bồ xứ ngay.

3/. Cứ chuyên trì niệm danh hiệu Phật thôi, chẳng cần đến phương tiện nào khác (tu thiền, quán tưởng v.v...).

4/. Trong một tuần 7 ngày có thể thành công, chẳng cần nhiều kiếp, nhiều đời, nhiều năm, nhiều tháng.

5/. Cứ trì niệm một danh hiệu Phật A Di Đà, tức là được chư Phật hộ niệm, chẳng khác gì người trì niệm danh hiệu hết thấy chư Phật.

Năm ý nghĩa này, đều nhờ ở nguyện và hạnh chẳng thể nghĩ bàn của Phật A Di Đà.

Giữ giới bất vọng ngữ trong ba đời, khi sanh ra có lưỡi rộng dài uốn lên đến mũi. Đức Thích Ca giữ giới bất vọng ngữ trong ba đại a tăng kỳ kiếp, lưỡi mỏng và rộng dài, che kín khắp mặt. Nay chư Phật lưỡi che khắp đại thiên thế giới, để nêu rõ chân thân thật xứng hợp với chánh lý Pháp-thân vậy.

Trong sáu đoạn văn nói về sáu phương, đoạn nào chư Phật cũng nêu tên kinh này gọi là kinh: “Xung tán bất khả tư nghị công đức, nhất thiết chư Phật sở hộ niệm” chính là căn bản lưu thông truyền bá kinh này. Pháp sư Cưu Ma La Thập thuận theo thế gian ưa nói vắn tắt, đặt tên kinh là “A Di Đà”. Thật khéo hợp với hạnh tu trì danh! Pháp sư Trần Huyền Trang dịch là kinh: “Xung Tán Tịnh Độ Nhiếp Thọ”. Lời văn tuy có tương tợ hay sơ lược khác nhau, nhưng chánh nghĩa vẫn không thêm bớt.

— Trong các phương, phương nào cũng có Tịnh-độ, có gì chỉ tán thán riêng Tịnh-độ ở Tây Phương của Phật A Di Đà?

— Xin thưa: Vì có 3 nghĩa: 1/ Khiến người mới vào đạo dễ nhận được tâm Bồ-đề của mình. 2/ Vì bản nguyện của Phật A Di Đà. 3/ Vì Phật A Di Đà với chúng sanh ở cõi này có duyên riêng.

Chư Phật từ Pháp-thân hiển hiện ra hình tích, cốt để kết nhân duyên với đời (cả thế gian và xuất thế gian), hết thấy đều thần diệu chẳng khá nghĩ bàn. Các ngài đem giáo lý đại thừa tuyên dương vào hải hội (tức là vì cả thế giới). Các ngài lặn vào bể khổ (tức là vì chúng sanh đời trệ tánh ác). Tâm nhân từ của các ngài khéo hợp với tâm Thường Tịch Quang (tức là đệ nhất nghĩa). Vì thế mà vạn đức phải kính vâng các ngài, quần linh phải châu về cả các ngài.

Ta lại nên biết mầm thành Phật phải nhờ duyên mới khởi lên được. Duyên ấy tức là cả pháp giới. Vậy thì một niệm tức là hết thấy niệm, một chúng sanh tức là hết thấy chúng sanh. Một hương, một hoa, một thanh, một sắc... cho đến một khi chịu sám hối, được thọ ký, được xoa đầu, được dắt tay v.v...

khắp cả mười phương, suốt cả ba đời, không một chỗ nào, không một giây phút nào mà không lan tràn dung hòa khắp cả. Cho nên cái nhân tăng thượng duyên này được gọi là pháp giới duyên khởi.

Đó chính là cái nghĩa “biến duyên pháp giới” tức là tướng niệm và kết duyên với cả mười phương pháp giới vậy (xem nghĩa viên biến trong kinh Hoa Nghiêm quyển 2).

Như thế người tu ở ngôi thấp kém (thì vẫn chẳng ra ngoài pháp giới) vẫn có thể quyết chí chuyên cầu vãng sanh về Tây phương. Và người tu ở ngôi cao xa (thì còn pháp giới nào nữa), đâu phải bỏ Tây phương để mong cầu riêng lấy thế giới Hoa Tạng.

Hỏi: Chỉ nghe danh hiệu của chư Phật, mà chưa giữ được nghĩa kinh, thì có được chư Phật hộ niệm lên ngôi bất thoái không?

Thưa: Cái nghĩa nghe ở đây có phần Cuộc và phần Thông.

Về phần Cuộc thì như kinh Chiêm Xát nói: “Tâm tạp loạn như bản, niệm danh hiệu ta, chẳng phải là đã được nghe danh hiệu của ta. Tâm chưa quyết định tin hiểu, chỉ được quả báo phước thiện thế gian, chẳng được lợi ích màu nhiệm sâu xa rộng lớn. Niệm Phật đến chỗ “Nhất hạnh tam muội” mới thành quảng đại diệu hạnh đưa đến “Tương tự vô sanh pháp nhẫn”. Thế mới thật là đã được nghe danh hiệu mười phương Phật...”.

Vậy thời chữ nghe ở kinh A Di Đà, cũng phải đến chỗ nhất tâm bất loạn mới đáng là “người đã được nghe danh hiệu chư Phật, được chư Phật hộ niệm”. Còn nghĩa chữ nghe thuộc về phần Thông là: Tâm từ bi chư Phật chẳng khác nghĩ bàn, công đức danh hiệu chư Phật chẳng khác nghĩ bàn. Một khi được nghe danh hiệu Phật rồi, thì bất luận hữu tâm vô tâm, tin hay chẳng tin, đều đã thành thắng duyên. Huống chi Phật bình đẳng độ chúng sanh oán thân như nhau, không hề mỗi mệ. Miễn là được nghe danh hiệu Phật, tất là được Phật hộ niệm, còn nghi gì nữa?

Kim Cương Tam Luận nói: Địa Bồ-tát về Biệt giáo hay Trụ Bồ-tát về Viên giáo, tự lực tu hành vào bậc “Đồng sanh tánh” mới được Phật hộ niệm. (Đồng sanh tánh là thấy được Phật tánh.)

Niệm Phật, nhờ sức Phật thì mau hơn cứ tới ngôi “Tương tự vô sanh pháp nhẫn” đã được Phật hộ niệm. Dưới ngôi Tương tự ấy cũng đều được Phật hộ niệm. Theo nghĩa Thông, chỉ cần nghe danh hiệu Phật qua tai một lần, đồng thể pháp tánh đã phát ra một sức mạnh tức là đã gieo nhân tốt về sau, chẳng bao giờ mất.

“Bất thoái” là đủ 3 ngôi bất thoái như trên đã giải thích, đồng một nghĩa với danh từ: “Nhất sanh thành Phật”. Bởi thế, Phật Thích Ca cố khuyên bọn ông Xá Lợi Phất đều nên tin chịu.

Công đức được nghe danh hiệu Phật màu nhiệm như thế, Phật Thích Ca và chư Phật mười phương đã nói mà lại còn không tin ư?

2- Khuyên nguyện

Phật ân cần đến 3 lần khuyên phát nguyện. Phát nguyện tức là 2 pháp môn: “Hân và Yém”. (Hân là hân hoan vui thích. Yém là yém ly chán bỏ.)

a) Chán bỏ cõi Sa Bà vì tệ ác lắm! Phép này ứng hợp với 2 Hoàng Nguyện:

“Chúng sanh vô biên thế nguyện độ”,

“Phiền não vô tận thế nguyện đoạn”.

b) Vui cầu sang An Lạc, vì yên tĩnh lắm! Phép này ứng hợp với 2 Hoàng Nguyện:

“Pháp môn vô lượng thế nguyện học”,

“Phật đạo vô thượng thế nguyện thành”.

Vì có phát nguyện rộng lớn như thế, cho nên Phật mới bảo: “Những người ấy, đều được tới cõi A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề, chẳng hề lui chuyển” tức là đắc đạo Bồ-đề, lên ngôi bất thoái.

Nhân màu nhiệm và Quả màu nhiệm của người niệm Phật đều chẳng bao giờ lìa khỏi Nhất tâm. Vậy thì cần gì phải đợi đến hết kiếp Sa Bà, mới sanh vào ao thất bảo! Ngay giờ phút ta có tín tâm, ta có phát nguyện, ta niệm danh hiệu Phật, thì bóng đài sen vàng tươi sáng đã hiện ra rồi. Ta không phải là người cõi Sa Bà nữa!

3- Khuyên hạnh

Trí tuệ công đức của các đức Phật đều bình đẳng như nhau, nhưng sự giáo hóa thì có chỗ dễ chỗ khó: Ở cõi Tịnh-độ tu thành Bồ-đề thì dễ, ở cõi đời trước này khó lắm! Vì chúng sanh ở Tịnh-độ nói pháp thì dễ, vì chúng sanh ở cõi này nói pháp khó lắm! Vì chúng sanh ở trước thế, nói pháp Tiệm còn dễ, chứ nói pháp Đốn thì khó! Vì chúng sanh ở trước thế, nói các pháp Đốn khác còn dễ, nói pháp Đốn vượt tất ngang sang Tịnh-độ, thì lại càng khó nữa!

Vì chúng sanh ở trước thế, nói các pháp “diệu quán đốn tu đốn chứng vượt tất ngang sang Tịnh-độ” đã chẳng dễ gì, thế mà nay lại nói cái pháp chẳng cần khó nhọc, chỉ trì niệm danh hiệu Phật A Di Đà, mà được lên ngay ngôi Bồ-tát bất thoái, thì thật là một khó khăn trong các khó khăn. Bởi thế mười phương chư Phật đều suy tôn đức Thích Ca là đấng mãnh.

Ngũ trước ác thế:

1. Kiếp trước là thời đại tụ hợp toàn như ác, không có hạnh tu niệm Phật, hứa hẹn cho mang cả ác nghiệp vượt tất ra ngoài vòng kiếp trước thì thật khó cho những chúng sanh ở trong ấy được giải thoát.

2. Kiến trước là thời đại có 5 tà kiến sai sử con người mau lẹ lắm (ngũ lợi sử): a) Thân kiến: Si mê làm tưởng thân và cảnh thật có. b) Biên kiến: Thiên về một bên. Hoặc theo chủ nghĩa đoạn diệt cho rằng thân chết là hết. Hoặc chấp thường cho rằng thân tuy chết mà linh hồn còn mãi. c) Kiến thủ: Có

chấp theo tà thuyết, tà đạo. d) *Giới thủ*: Học theo giới luật tà đạo. đ) *Tà kiến*: Không tin đạo Phật, bác lý nhân quả.

Năm tà kiến này làm tối tăm mù quáng. Không có hạnh niệm Phật, y cứ vào lý nhân quả và vạn pháp duy tâm thì làm sao thức tỉnh được những chúng sanh này.

3. *Phiền não trước* là thời đại có 5 phiền não, nó sai khiến con người rất mạnh. Tham, sân, si, mạn, nghi, năm phiền não xấu xa này rất khó trừ (ngũ độn sử), luôn luôn ngấm ngấm rối loạn làm vẩn đục tâm tánh. Hạnh tu niệm Phật là một pháp môn nhận thấy tâm Phật ở ngay tâm phàm, chúng sanh nào cũng có Phật tánh. Nên pháp môn này không bỏ một ai. Dù thập ác ngũ nghịch mà biết sám hối cũng hứa hẹn cho vãng sanh. Mỗi tiếng niệm Phật là một hạt châu chuyển phiền não trước thành đời sống thanh lương.

4. *Chúng sanh trước* là thời đại 5 kiến trước và 5 phiền não trước (10 kết sử) cảm ứng hiện ra thân năm âm. Các hữu tình quên mất Pháp-thân, mê muội nhận năm âm là mình. Không có hạnh tu niệm Phật, mỗi niệm mỗi niệm trở về tánh giác Vô Lượng Quang thì làm sao đưa được hữu tình ra khỏi cái vòng luân hồi bầy thú.

5. *Mạng trước*. Đồng là một bản giác, chỉ vì 6 phù trần căn tứ đại ngăn cách khiến thành 6 công dụng khác nhau. Sáu căn sinh hoạt gọi là sống, hết hoạt động gọi là chết. Thời đại mạng sống con người non yếu gọi là mạng trước. Chúng sanh quên bản tánh Vô Lượng Thọ, nhận thân vô thường sanh tử là mình. Không có pháp môn niệm Phật là hạnh tu chẳng phí nhiều thời giờ thì làm sao những chúng sanh mạng yếu kịp giải thoát. Người niệm Phật, mỗi niệm mỗi niệm trở về tánh Vô Lượng Thọ tức là mỗi niệm mỗi niệm ra khỏi mạng trước.

Tín Nguyện niệm Phật chuyển ngay được kiếp trước thành thanh tịnh hải hội. Chuyển ngay được kiến trước thành Vô Lượng Quang. Chuyển ngay được phiền não trước thành Thường Tịch Quang. Chuyển ngay được chúng sanh trước thành thân liên hoa hóa sanh. Chuyển ngay được mạng trước thành Vô Lượng Thọ.

Thế cho nên mỗi một niệm Nam mô A Di Đà Phật là một niệm chúng được tâm Vô-thượng Bồ-đề. (Bí quyết của tông Tịnh-độ từ nghìn xưa, nay đại sư Trí Húc nhất đán mở tung ra cho mọi người thấy rõ.)

Đức Thế Tôn đem quả Phật trao cho chúng sanh đời ngũ trước ác thế. Năng lực giáo hóa này chỉ có Phật Thích Ca cùng mười phương Phật mới có mà thôi.

Loài người chúng ta:

a) Hiện đang ở trong kiếp trước, quyết định bị vô lượng khổ não áp bức.

b) Hiện đang ở trong kiến trước, quyết định bị cái trí xảo trá của bọn tà sư chỉ huy.

c) Hiện đang ở trong phiền não trước, quyết định bị tham dục hãm hại và các nghiệp độc ác kích thích.

d) Hiện đang ở trong chúng sanh trước, quyết định đành cam phận trong những cái thân bản thủ mà còn mê cho là đáng yêu quý, cam chịu kém hèn sống dằng cay chết đọa đày mà không bao giờ ngờ rằng mình có đường lối thoát ly.

đ) Hiện đang ở trong mạng trước, quyết định bị ma lực vô thường nuốt đời sống nhanh như tia lửa chớp nhoáng, trở bàn tay không kịp.

Kiếp người chúng ta ví như ở trong nhà lửa cháy cả bốn bên rồi, mà vẫn cứ nô đùa bàn cãi suông chơi với nhau hoài. Chỉ có ai biết đích thực là một việc rất khó khăn, mới chịu giết chết cái tâm tham dục, mới biết quý phép tu: “Nhất hạnh” này.

Chỉ vì thế mà đức Phật Bổn Sư phải hết lòng nói đi nói lại “*khó lắm! khó lắm!*” để cho chúng ta tỉnh ra. Có biết sợ mới lo tu. Đây là thâm từ phó chúc, bọn ta cần phải biết!

Kết khuyến

Pháp môn niệm Phật thật chẳng thể nghĩ bàn, rất khó tin, rất khó hiểu, đệ tử Phật không một người nào biết mà hỏi.

Trí tuệ Phật soi thấy cơ duyên chúng sanh thành Phật đã chín. Mặc dầu không ai hỏi, tự Phật nói, khiến chúng sanh được 4 lợi ích (đây thích nghĩa 8 chữ: Hoan hỷ, Tín thọ, Tác lễ, Nhi khứ):

1. Phật nói pháp tu niệm Phật này, giống như một trận mưa hợp thời, làm cho nhân vật, cỏ cây mát mẻ, thấm nhuần, nảy nở, lớn lên, thế gọi là Hoan hỷ (vui mừng).

2. và 3. Trong tâm không còn nghi hoặc một tơ hào gọi là Tín (tin). Lãnh nạp vào tâm chẳng giờ phút nào quên, gọi là Thọ (chịu).

4. Đem thân mạng quay về với Phật, ứng hợp với toàn thể pháp giới trùng trùng duyên khởi, thế gọi là Tác lễ (làm lễ).

Người nghe kinh, tự mình đã thực hành, cứ một chiều tiến mãi không lui, đem kinh lưu thông truyền bá khắp nơi, báo đền ân Phật, thế gọi là Nhi khứ (rời đi). Đi mãi suốt đời vị lai, giáo hóa cho mọi người vô cùng vô tận.

---o0o---

Lời cuối sách

Kính nói: “Đời mạt pháp ực vạn người tu, ít ai đắc đạo, chỉ nhờ niệm Phật mà được độ thoát”.

Than ôi! Bây giờ chính là đời mạt pháp. Bỏ pháp môn niệm Phật bất khả tu nghị này, còn cách nào ra khỏi biển trầm luân?

Húc tôi đây, khi mới xuất gia, tự phụ là một nhà thiên, khinh thường các giáo điển, dám nói bậy rằng: “Niệm Phật chỉ là một phương tiện riêng cho trung căn và hạ căn”.

Về sau, nhân vì đau nặng tôi mới chịu cầu sanh Tây phương. Nghiên cứu các bộ Diệu Tông, Viên Trung, Di Đà Số Sao và nhiều sách khác, tôi mới biết niệm Phật tam muội, thật là một viên ngọc châu quý giá vô ngần. Từ đây, tôi trì danh hiệu Phật với một sức mạnh vạn con trâu không kìm lại được.

Ông Khử Bệnh, bạn thân của tôi, tu Tịnh-độ đã lâu năm, muốn cho tôn chỉ rất lớn của bộ kinh Phật Thuyết A Di Đà này được thật rõ rệt mà lời nói đừng phiền phức. Ông thỉnh tôi làm yếu giải. Tôi cũng muốn cùng tất cả hữu tình trong pháp giới đồng vãng sanh Cực Lạc. Tôi cầm bút viết vào ngày 27 tháng 9 năm Đinh Hợi đến mùng 5 tháng 10 là xong. Tôi cầu nguyện mỗi câu, mỗi chữ sẽ là tư lương, để người ăn đường về An Lạc. Ai thấy nghe cũng đều lên ngôi Bồ-tát bất thoái.

Người tin người nghi cùng gieo mầm đạo, tán thán hay phỉ báng cùng được giải thoát cùng về Tịnh-độ.

Ngưỡng mong chư Phật, Bồ-tát nhiếp thọ chúng minh. Và các bạn đồng học tùy hỷ gia bị.

Tây Hữu Đạo Nhân, Ngẫu Ích Trí Húc

gác bút viết lời bạt này, năm 49 tuổi.

Tỳ-kheo ni Tịnh Chân làm toát yếu. Đánh lễ xin góp một lời: Chữ Tín là then chốt của Liên Tông. Có người tin Phật, Pháp, Tăng, một lòng niệm Phật thẳng đường về Tịnh-độ. Số này rất hiếm. Phần đông kém tinh tấn, đức Tin không mạnh vì chỗ hiểu biết thiếu căn bản. Với những vị này phải có một chương trình tu học. Cũng như phi công du hành quanh trái đất được là vì từ bé đã tập lấy, tập bò, tập đi, lớn lên tập lái xe hơi, lái máy bay.

Phàm phu thời mạt pháp có duyên với pháp môn Tịnh-độ cần: 1) Giới luật nghiêm trì. 2) Quán Tứ Niệm Xứ, thân bất tịnh, tâm vô thường, thọ là khổ, pháp vô ngã, để phát tâm xuất thế. 3) Học kinh Lăng Nghiêm để biết vạn pháp quy về tánh Vô Lượng Thọ Quang. 4) Đọc các kinh sách nói về Tịnh-độ. Phải trước vun bồi ngũ căn mới có ngày thành ngũ lực.

---o0o---

Hết

Nguyện cầu âm siêu dương thái, pháp giới chúng sanh đồng thành Phật đạo.

HẾT